

Số: 1800/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TM-ĐT ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/4/2017, Quyết định số 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/9/2017 và Quyết định số 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên chính quy họp ngày 08/9/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học cho 524 sinh viên chính quy, gồm các ngành/chuyên ngành (Có danh sách kèm theo).

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
I	Chương trình đào tạo chuẩn	
1	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	51
2	Quản trị kinh doanh/Tiếng Pháp thương mại	16
3	Quản trị kinh doanh/Tiếng Trung thương mại	14
4	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	22
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	24
6	Marketing/Marketing thương mại	31

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
7	Marketing/Quản trị thương hiệu	17
8	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	11
9	Kế toán/Kế toán công	10
10	Kiểm toán/Kiểm toán	11
11	Kinh doanh quốc tế/Thương mại quốc tế	14
12	Kinh tế quốc tế/Kinh tế quốc tế	11
13	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	15
14	Kinh tế/Quản lý kinh tế	53
15	Kinh tế/Kinh tế thương mại	1
16	Luật kinh tế/Luật kinh tế	25
17	Thương mại điện tử/Quản trị Thương mại điện tử	18
18	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	23
19	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	34
20	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính công	18
21	Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh thương mại	20
22	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	34
II	Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù	
1	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	20
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11
3	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị Hệ thống thông tin	3
III	Chương trình đào tạo chất lượng cao	
1	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	5
2	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	12

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Kế hoạch Tài chính, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Trưởng các Khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH KINH TẾ/CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1800 /QĐ-ĐHTM ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	18D160125	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	04/01/2000	K54F2	3.05	120	x	x	x	x	NA	Khá	
2	18D160175	Nguyễn Xuân Lộc	Nam	27/01/2000	K54F3	2.78	120	x	x	x	x	NA	Khá	
3	18D160240	Đinh Thị Liễu	Nữ	26/03/2000	K54F4	3.02	120	x	x	x	x	NA	Khá	
4	18D160308	Phùng Mai Lam	Nam	29/04/2000	K54F5	2.90	120	x	x	x	x	NA	Khá	
5	19D160162	Phạm Thu Lan	Nữ	08/07/2001	K55F3	3.16	120	x	x	x	x	NA	Khá	
6	19D160220	Nguyễn Thị Hà	Nữ	28/10/2001	K55F4	3.44	120	x	x	x	x	NA	Giỏi	
7	19D160292	Trịnh Bá Hà	Nam	24/04/2001	K55F5	3.09	120	x	x	x	x	NA	Khá	
8	20D160012	Nguyễn Danh Đức	Nam	21/05/2001	K56F1	2.82	120	x	x	x	x	NA	Khá	
9	20D160094	Tạ Đoàn Khuê	Nam	05/08/2002	K56F2	2.72	122	x	x	x	x	NA	Khá	
10	20D160093	Đỗ Vương Kiệt	Nam	08/10/2002	K56F2	2.90	120	x	x	x	x	NA	Khá	
11	20D160247	Nguyễn Xuân Phú	Nam	28/09/2002	K56F4	2.52	120	x	x	x	x	NA	Khá	
12	20D160256	Bùi Phương Thảo	Nữ	14/07/2002	K56F4	3.07	120	x	x	x	x	NA	Khá	
13	20D160292	Đỗ Quang Hà	Nam	14/09/2002	K56F5	3.04	120	x	x	x	x	NA	Khá	
14	21D160106	Vũ Trung Bách	Nam	08/04/2003	K57F1	2.55	120	x	x	x	x	x	Khá	
15	21D160108	Nguyễn Huyền Diệp	Nữ	18/03/2003	K57F1	3.24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
16	21D160109	Hoàng Minh Dương	Nam	13/10/2003	K57F1	2.68	120	x	x	x	x	x	Khá	
17	21D160110	Nguyễn Hoàng Đan	Nữ	01/02/2003	K57F1	3.08	120	x	x	x	x	x	Khá	
18	21D160111	Hoàng Tiến Đạt	Nam	03/05/2003	K57F1	3.10	120	x	x	x	x	x	Khá	
19	21D160007	Nguyễn Thị Mai	Nữ	02/02/2003	K57F1	3.31	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
20	21D160132	Phạm Hải Nam	Nam	15/09/2003	K57F1	3.26	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
21	21D160134	Lương Bảo Ngọc	Nữ	24/04/2003	K57F1	2.90	120	x	x	x	x	x	Khá	
22	21D160159	Nguyễn Bá Chinh	Nam	13/12/2003	K57F2	2.67	120	x	x	x	x	x	Khá	
23	21D160160	Đinh Thùy Dung	Nữ	29/01/2003	K57F2	3.00	120	x	x	x	x	x	Khá	
24	21D160161	Lê Trọng Hoàng Dương	Nam	04/03/2003	K57F2	2.43	120	x	x	x	x	x	Trung bình	
25	21D160165	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	26/11/2002	K57F2	2.80	120	x	x	x	x	x	Khá	
26	21D160168	Quách Thị Hà	Nữ	30/10/2003	K57F2	2.91	120	x	x	x	x	x	Khá	
27	21D160177	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	06/11/2003	K57F2	3.25	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
28	21D160178	Phạm Khánh Linh	Nữ	07/08/2003	K57F2	3.14	120	x	x	x	x	x	Khá	
29	21D160184	Phạm Sơn Nam	Nam	10/05/2003	K57F2	2.68	120	x	x	x	x	x	Khá	
30	21D160193	Lương Thị Tuệ Tâm	Nữ	15/05/2003	K57F2	3.12	120	x	x	x	x	x	Khá	
31	21D160195	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	21/10/2003	K57F2	2.97	121	x	x	x	x	x	Khá	
32	21D160197	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	09/01/2003	K57F2	3.18	120	x	x	x	x	x	Khá	
33	21D160202	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	01/08/2003	K57F2	2.97	120	x	x	x	x	x	Khá	
34	21D160206	Lê Tuấn Anh	Nam	23/11/2003	K57F3	3.12	120	x	x	x	x	x	Khá	
35	21D160214	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	01/07/2003	K57F3	2.77	121	x	x	x	x	x	Khá	
36	21D160229	Nguyễn Phương Linh	Nữ	27/10/2003	K57F3	2.92	121	x	x	x	x	x	Khá	

tr

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
37	21D160259	Nguyễn Thị Kiều Anh	Nữ	30/01/2003	K57F4	3.24	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
38	21D160288	Mai Nguyễn Phương Nghi	Nữ	22/10/2003	K57F4	3.47	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
39	21D160302	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	27/03/2003	K57F4	3.03	121	x	x	x	x	x	Khá	
40	21D160308	Trịnh Kim Yến	Nữ	17/10/2003	K57F4	2.59	120	x	x	x	x	x	Khá	
41	21D160312	Trần Thị Lan Anh	Nữ	14/01/2003	K57F5	2.83	120	x	x	x	x	x	Khá	
42	20D160291	Nguyễn Anh Đức	Nam	16/10/2002	K57F5	2.53	120	x	x	x	x	x	Khá	
43	21D160321	Lê Hương Giang	Nữ	25/05/2003	K57F5	2.91	120	x	x	x	x	x	Khá	
44	21D160330	Hoàng Quốc Khánh	Nam	02/09/2003	K57F5	3.21	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
45	21D160335	Trần Thị Loan	Nữ	20/04/2003	K57F5	2.68	120	x	x	x	x	x	Khá	
46	21D160336	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	02/10/2003	K57F5	3.38	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
47	21D160340	Nguyễn Tiến Hoàng	Nam	20/07/2003	K57F5	3.28	121	x	x	x	x	x	Giỏi	
48	21D160345	Đinh Đại Pháp	Nam	05/08/2003	K57F5	2.97	120	x	x	x	x	x	Khá	
49	21D160347	Đinh Thị Trúc Quỳnh	Nữ	05/10/2003	K57F5	2.70	120	x	x	x	x	x	Khá	
50	21D160349	Vũ Anh Tài	Nam	08/06/2003	K57F5	3.37	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
51	21D160351	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	26/11/2003	K57F5	3.26	120	x	x	x	x	x	Giỏi	
52	21D160356	Phạm Văn Toàn	Nam	19/04/2001	K57F5	3.08	121	x	x	x	x	x	Khá	
53	21D160360	Vũ Hải Yến	Nữ	10/03/2003	K57F5	2.63	123	x	x	x	x	x	Khá	

Ghi chú:

Điểm TBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy

Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy

GDQP: Giáo dục quốc phòng

GDTC: Giáo dục thể chất

CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chuẩn KN SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

CĐR CTĐT: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

NA: Không áp dụng điều kiện

x: Đạt điều kiện



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH KINH TẾ/CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ THƯƠNG MẠI

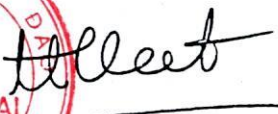
(Kèm theo Quyết định số 1800 /QĐ-ĐHTM ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn kỹ năng SD CNTT	CĐR CTĐT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	15D160360	Nguyễn Văn Giang	Nam	07/09/1997	K51F6	2.18	120	x	x	NA	NA	NA	Trung bình	

Ghi chú:

- Điểm TBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy
Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy
GDQP: Giáo dục quốc phòng
GDTC: Giáo dục thể chất
CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ
Chuẩn KN SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
CĐR CTĐT: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
NA: Không áp dụng điều kiện
x: Đạt điều kiện

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


GS.TS Nguyễn Hoàng Việt